

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



QUY CHẾ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

*Ban hành kèm theo Quyết định số 1207/QĐ-ĐHCNTT ngày 01/10/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin*

TP. HCM - NĂM 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ
của Trường Đại học Công nghệ Thông tin - ĐHQG - HCM**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg, ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG, ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học thành viên và Khoa trực thuộc ĐHQG-HCM;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐTĐHCNTT ngày 15 tháng 05 năm 2024 của Hội đồng Trường Đại học Công nghệ Thông tin về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Thông tin;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của ĐHQG-HCM;

Căn cứ Quyết định số 218/QĐ-ĐHQG ngày 15 tháng 03 năm 2024 của Giám đốc ĐHQG - HCM về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 11 năm 2021;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo Sau Đại học và Khoa học Công nghệ (ĐTSDH&KHCN).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là: “Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM”.

Điều 2. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 270/QĐ-ĐHCNTT, ngày 25 tháng 04 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng các Phòng, Ban, Khoa, Bộ môn, các đơn vị có liên quan và các giảng viên, học viên của Trường Đại học Công nghệ Thông tin chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. M

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQG-HCM (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐTSDH.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Tú Anh



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2025

QUY CHẾ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1207/QĐ-ĐHCNTT, ngày 01/10/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ (ĐTThS), bao gồm: quy định chung; chương trình đào tạo (CTĐT); tổ chức và quản lý đào tạo; nghĩa vụ, quyền lợi của giảng viên (GV) và người học (NH); thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm; tổ chức thực hiện.

2. Quy chế này được áp dụng tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin, Đại học Quốc gia - Hồ Chí Minh (Trường ĐH CNTT, ĐHQG-HCM).

3. Quy chế này không áp dụng đối với chương trình liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ với cơ sở giáo dục nước ngoài, do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng; CTĐT thạc sĩ chất lượng cao.

Điều 2. Loại chương trình đào tạo

Các loại CTĐT thạc sĩ trong phạm vi của Quy chế này, gồm:

1. Chương trình đào tạo do Trường ĐH CNTT cấp văn bằng:
 - a. Chương trình đơn ngành do Trường ĐH CNTT cấp 01 văn bằng.
 - b. Chương trình song ngành được Trường ĐH CNTT cấp 02 văn bằng.
 - c. Chương trình liên thông do Trường ĐH CNTT cấp 1 văn bằng.
2. CTĐT song ngành của Trường ĐH CNTT và 01 cơ sở đào tạo (CSĐT) khác trong hệ thống ĐHQG-HCM do mỗi đơn vị cấp 01 văn bằng.
3. Chương trình liên kết trong phạm vi điều chỉnh của Quy chế này, gồm:
 - a. CTĐT do Trường ĐH CNTT liên kết với CSĐT ngoài hệ thống ĐHQG-HCM hoặc với cơ sở giáo dục nước ngoài cùng cấp chung 01 văn bằng.
 - b. CTĐT do Trường ĐH CNTT liên kết với CSĐT ngoài hệ thống ĐHQG-HCM hoặc với cơ sở giáo dục nước ngoài mỗi bên cấp 01 văn bằng.

Điều 3. Chương trình đào tạo

1. CTĐT trình độ thạc sĩ của Trường ĐH CNTT được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, có khối lượng kiến thức tối thiểu 60 tín chỉ theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam và quy định về chuẩn CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. CTĐT gồm chương trình theo định hướng nghiên cứu và chương trình theo định hướng ứng dụng (sau đây gọi là chương trình nghiên cứu và chương trình ứng dụng).

a. Chương trình nghiên cứu (theo khoản 7, Điều 2 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học): “CTĐT định hướng nghiên cứu có mục tiêu và nội dung theo hướng chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong các lĩnh vực khoa học, phát triển các công nghệ nguồn làm nền tảng để phát triển các lĩnh vực khoa học ứng dụng và công nghệ”.

b. Chương trình ứng dụng (theo khoản 8, Điều 2 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT): “CTĐT định hướng ứng dụng có mục tiêu và nội dung theo hướng phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người”.

3. CTĐT do Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chức xây dựng, thẩm định, ban hành, đánh giá, cải tiến chất lượng đào tạo và thực hiện kiểm định chất lượng theo quy định hiện hành.

4. Khung CTĐT, đề cương chi tiết học phần được xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 của Quy chế này.

Điều 4. Phương thức đào tạo và cấu trúc chương trình đào tạo

1. Chương trình nghiên cứu được đào tạo theo hai phương thức

a. Phương thức 1: NH phải học học phần Triết học, sử dụng toàn thời gian nghiên cứu khoa học và thực hiện luận văn. Kết quả nghiên cứu là bài báo khoa học được chấp nhận công bố hoặc được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế.

b. Phương thức 2: NH học các học phần của CTĐT, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận văn.

2. Chương trình ứng dụng: NH học các học phần của CTĐT và thực hiện luận văn.

3. Cấu trúc chương trình đào tạo: gồm các học phần và luận văn đáp ứng chuẩn CTĐT hiện hành (phụ lục II).

a. Chương trình nghiên cứu theo phương thức 1: gồm Triết học; học phần phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao và luận văn; luận văn tối thiểu 53 tín chỉ.

b. Chương trình nghiên cứu theo phương thức 2: gồm Triết học; học phần phương pháp nghiên cứu khoa học; các học phần của CTĐT; khối lượng nghiên cứu khoa học (các chuyên đề nghiên cứu khác) tối thiểu 12 tín chỉ và luận văn tối thiểu 15 tín chỉ.

c. Chương trình ứng dụng: gồm Triết học; học phần phương pháp nghiên cứu khoa học; các học phần của CTĐT và luận văn; luận văn tối thiểu là 12 tín chỉ.

4. Đối với học phần Triết học

a. Chương trình Triết học khối không chuyên ngành Triết học trình độ đào tạo thạc sĩ thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT.

b. Đối với NH là người nước ngoài, học phần Triết học được thay thế bằng học phần Lịch sử văn hóa Việt Nam.

Điều 5. Hình thức, ngôn ngữ và thời gian đào tạo

1. Hình thức đào tạo: chính quy và thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT).

2. Ngôn ngữ đào tạo là tiếng Việt. Khi có nhu cầu ĐTThS bằng tiếng nước ngoài, đơn vị chuyên môn (ĐVCM) của ngành ĐTThS phải lập kế hoạch cụ thể và trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định và báo cáo ĐHQG-HCM.

3. Thời gian đào tạo (đã bao gồm thời gian làm luận văn) được xác định trên cơ sở số lượng tín chỉ phải tích lũy cho từng CTĐT; đáp ứng quy định tại Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và chuẩn CTĐT theo quy định hiện hành, đồng thời bảo đảm đa số NH hoàn thành CTĐT.

a. Thời gian đào tạo toàn khóa đối với hình thức đào tạo chính quy là 24 tháng.

b. Thời gian đào tạo được tính từ thời điểm chương trình chính thức bắt đầu của khóa tương ứng, ghi rõ trong quyết định nhập học.

c. Thời gian tối đa để NH hoàn thành khóa không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa.

Điều 6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1. Chuẩn đầu ra của CTĐT quy định về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ, trách nhiệm và công việc mà NH có thể đảm nhận được sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu khác đối với từng phương thức đào tạo, từng ngành đào tạo; phù hợp với mục tiêu của CTĐT và yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với mô tả năng lực NH đối với từng trình độ theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

2. Trường ĐH CNTT xây dựng chuẩn đầu ra của CTĐT gồm:

- a. Chuẩn về kiến thức, năng lực chuyên môn.
- b. Chuẩn về kỹ năng.
- c. Chuẩn về mức tự chủ và trách nhiệm.
- d. Vị trí việc làm của NH có khả năng đảm nhận sau khi tốt nghiệp.
- e. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.
- f. Các chuẩn khác.

3. Chuẩn ngoại ngữ trình độ thạc sĩ được quy định tại phụ lục 3 của Quy chế này.

4. Ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra đối với mỗi NH phải cùng một ngôn ngữ.

Điều 7. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. NH được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một CTĐT thạc sĩ khác hoặc đã tốt nghiệp một CTĐT chuyên sâu đặc thù theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ

sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. Số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 30 tín chỉ.

2. Sinh viên đang học CTĐT đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy tối thiểu 7.0 điểm, đã tích lũy ít nhất 60 tín chỉ và đã học xong học kỳ 5 theo thiết kế của CTĐT đại học có thể được đăng ký học trước một số học phần của CTĐT thạc sĩ. Số tín chỉ được công nhận không vượt quá 15 tín chỉ.

3. Những học phần được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a. Đáp ứng chuẩn đầu ra, yêu cầu về giảng viên, khối lượng học tập và các yêu cầu khác của học phần trong CTĐT thạc sĩ;

b. Điểm đánh giá đạt từ điểm 5.5 (hoặc quy đổi tương đương) trở lên;

c. Thời điểm hoàn thành không quá 05 năm tính tới thời điểm xét công nhận, chuyển đổi.

d. Đối với học phần tự chọn: NH được phép chọn học phần và tích lũy tối đa 12 tín chỉ từ các CTĐT thạc sĩ khác thuộc Trường, hoặc từ CSĐT khác với điều kiện phải được sự đồng ý của Trường.

e. Đối với các học phần thuộc CTĐT thạc sĩ mà NH đã tích lũy trước đó:

- NH được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một CTĐT thạc sĩ khác hoặc đã tốt nghiệp một CTĐT chuyên sâu đặc thù.

- Số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 30 tín chỉ.

- Đối với học phần Triết học: NH đã có chứng chỉ Triết học thuộc chương trình triết học dành cho Khối Khoa học Tự nhiên và Kỹ thuật của Bộ GD&ĐT do Trường hoặc các CSĐT khác thuộc ĐHQG-HCM cấp.

f. Những trường hợp khác

- Đối với chương trình bồi dưỡng sau đại học trong hệ thống ĐHQG-HCM, tổng số tín chỉ bồi dưỡng sau đại học được tính công nhận và chuyển đổi tối đa là 50% đối với CTĐT thạc sĩ tương ứng.

- Đối với CTĐT chuyên sâu đặc thù của ngành phù hợp với ngành đào tạo thạc sĩ được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của các học phần, đảm bảo số tín chỉ tích lũy của NH tối thiểu 180 tín chỉ cho toàn bộ CTĐT đại học - thạc sĩ và số tín chỉ được công nhận, chuyển đổi tối đa 30 tín chỉ.

- Đối với chương trình song ngành, việc công nhận và chuyển đổi tín chỉ giữa các CSĐT phải đảm bảo sự tương đồng về CDR học phần hoặc CTĐT, đề cương chi tiết học phần hoặc được thực hiện dựa trên văn bản thỏa thuận của thủ trưởng các CSĐT.

- Đối với chương trình trao đổi NH: số tín chỉ mà NH tích lũy tại cơ sở phối hợp đào tạo khác không vượt quá 25% tổng khối lượng của CTĐT. Đối với các CSĐT trình độ thạc sĩ trực thuộc ĐHQG-HCM, số tín chỉ mà NH tích lũy không vượt quá 50% tổng khối lượng của CTĐT.

4. Các học phần được xét công nhận và chuyển đổi sẽ được tính vào điểm trung bình chung.

5. Thủ tục công nhận và chuyển đổi tín chỉ:

- NH nộp đơn xin xét chuyển điểm kèm theo bảng điểm hợp lệ và các giấy tờ liên quan khác (nếu có) đến đơn vị quản lý (ĐVQL).
- ĐVQL tiếp nhận và phối hợp với ĐVCM để xem xét, đánh giá sự tương đương của học phần và quyết định số tín chỉ được công nhận, chuyển đổi.
- Trong trường hợp NH đã đạt được kết quả cho một học phần ở một CSĐT khác mà điểm không xác định cụ thể, NH phải làm đơn kèm xác nhận về ĐVCM để xem xét. ĐVQL sẽ căn cứ vào kết quả xem xét của ĐVCM, ghi điểm học phần bằng ký hiệu M (Miễn).

Chương II

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 8. Địa điểm đào tạo

1. Địa điểm đào tạo là Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM hoặc phân hiệu được ĐHQG-HCM cho phép hoạt động đào tạo.
2. Các hoạt động thực hành, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế được tổ chức ở ngoài Trường ĐH CNTT nhưng không vượt quá 20% khối lượng CTĐT.

Điều 9. Tổ chức đào tạo

1. Quy định về tín chỉ, giờ học thực hiện theo điểm a và điểm b, khoản 1, Điều 7 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT:

a. 01 (một) tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của NH, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b. Đối với hoạt động dạy học trên lớp, 01 tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

2. Đầu khóa học, ĐVQL thông báo cho NH về quy chế đào tạo, CTĐT toàn khóa, kế hoạch giảng dạy, đề cương chi tiết học phần; kế hoạch học tập; kế hoạch kiểm tra, thi; các quy định của Trường ĐH CNTT có liên quan đến khóa học. Việc thay đổi, điều chỉnh CTĐT phải thực hiện theo quy định hiện hành; phải được công bố và hướng dẫn cho NH trước khi áp dụng. CTĐT sửa đổi chỉ được áp dụng với khóa tuyển sinh mới.

3. Tổ chức nhập học

a. ĐVQL có trách nhiệm tổ chức nhập học cho thí sinh trúng tuyển khóa mới. Thí sinh trúng tuyển không đăng ký nhập học thì không được công nhận là NH của Trường;

b. Khi nhập học, NH được cấp thẻ NH, tài khoản email, tài nguyên học tập và các quy chế, quy định tổ chức và quản lý đào tạo liên quan.

4. Phân công giảng dạy, lập thời khóa biểu

ĐVQL chủ trì và phối hợp với ĐVCM trong việc phân công giảng dạy và lập

thời khóa biểu theo các bước sau:

a. Căn cứ CTĐT, ĐVQL lập kế hoạch giảng dạy và gửi yêu cầu phân công giảng dạy đến ĐVCM.

b. ĐVCM thực hiện phân công giảng dạy các học phần thuộc CTĐT do ĐVCM quản lý, bao gồm cả việc mời GV thỉnh giảng. Nếu là GV thỉnh giảng lần đầu, ĐVCM cần gửi lý lịch khoa học, bảng photo công chứng văn bằng của GV kèm theo kế hoạch phân công giảng dạy đến ĐVQL và được sự phê duyệt của Hiệu trưởng.

c. ĐVCM gửi danh sách phân công GV đến ĐVQL ít nhất 15 ngày trước khi bắt đầu theo kế hoạch giảng dạy.

d. ĐVQL rà soát việc phân công giảng dạy và gửi phân công điều chỉnh (nếu có) đến ĐVCM.

e. ĐVQL lập thời khóa biểu chính thức và thông báo đến các ĐVCM, các phòng ban có liên quan đồng thời phổ biến trên trang thông tin điện tử. ĐVCM có trách nhiệm thông báo thời khóa biểu đến GV và NH.

5. Đăng ký học phần

- NH có nghĩa vụ đăng ký học phần và thanh toán học phí theo quy định của Trường.

- Thời hạn đăng ký học phần: chậm nhất 05 ngày trước khi bắt đầu học học phần.

- Tổ chức giảng dạy học phần theo lớp, gọi tắt là lớp học phần.

- Tổng số tín chỉ NH đăng ký tối đa trong 01 năm học không quá 45 tín chỉ. Tổng số tín chỉ đăng ký tối thiểu trong 01 năm học không ít hơn 15 tín chỉ (trừ chương trình nghiên cứu theo phương thức 1).

- NH chỉ được phép hủy đăng ký khi lớp học phần chưa bắt đầu và việc xin hủy này không gây ảnh hưởng đến việc mở lớp học phần.

- Không áp dụng đăng ký học phần cho HV đã học học phần đó và có điểm tổng kết học phần từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

6. Đăng ký học lại: Nếu NH có điểm tổng kết học phần không đạt (điểm nhỏ hơn 5,5 theo thang điểm 10) thì phải đăng ký tại ĐVQL để học lại học phần.

7. Trường ĐH CNTT được tổ chức các lớp học trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp. Tổng số tín chỉ các học phần được đào tạo theo phương thức trực tuyến không vượt quá 30% tổng số tín chỉ của CTĐT. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện theo hướng dẫn của ĐHQG-HCM.

Điều 10. Chương trình song ngành

1. Nội dung chương trình

a. Chương trình song ngành là sự kết hợp giữa hai CTĐT thuộc hai ngành đào tạo khác nhau (CTĐT ngành thứ nhất – CTĐT ngành thứ hai).

b. Chương trình song ngành phải đảm bảo chuẩn đầu ra của NH sau khi tốt nghiệp của hai CTĐT và phù hợp với Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

2. Điều kiện tổ chức đào tạo chương trình song ngành
 - a. Mã ngành đào tạo của CTĐT song ngành có trong Danh mục đào tạo hiện hành của Trường ĐH CNTT.
 - b. CTĐT thứ hai là ngành gần hoặc ngành khác với CTĐT thứ nhất.
3. Quy định số tín chỉ của CTĐT ngành thứ hai
 - a. Đối với ngành gần: khối lượng học phần tối thiểu là 15 tín chỉ và luận văn; tổng khối lượng kiến thức (bao gồm các tín chỉ trùng nhau và được công nhận tương đương giữa hai chương trình) phù hợp với quy định hiện hành.
 - b. Đối với ngành khác có khối lượng học phần tối thiểu 30 tín chỉ và luận văn; tổng khối lượng kiến thức (bao gồm các tín chỉ trùng nhau và được công nhận tương đương giữa hai chương trình) phù hợp với quy định hiện hành.
4. Điều kiện NH đăng ký học chương trình song ngành
 - a. NH đang học CTĐT theo hình thức chính quy.
 - b. NH đã hoàn thành năm học đầu tiên (tối thiểu 30 tín chỉ) của CTĐT ngành thứ nhất có điểm trung bình tích lũy từ 6.5 trở lên theo thang điểm 10.
 - c. NH đăng ký chậm nhất 01 (một) năm trước thời điểm xét tốt nghiệp chương trình thứ hai.
 - d. Đối với NH học chương trình nghiên cứu theo phương thức 1 không áp dụng khoản b và khoản c của Điều này.
5. Việc công nhận và chuyển đổi tín chỉ giữa các ngành trong cùng Trường ĐH CNTT hoặc giữa Trường ĐH CNTT với CSĐT khác được thực hiện theo thỏa thuận giữa thủ trưởng các CSĐT.
6. Trường ĐH CNTT xây dựng CTĐT song ngành; ban hành quy định hướng dẫn chi tiết thực hiện chương trình song ngành và công tác tài chính theo quy định hiện hành.

Điều 11. Bồi dưỡng sau đại học

1. Bồi dưỡng sau đại học nhằm cung cấp những kiến thức mới, bổ sung, cập nhật và hiện đại hóa các kiến thức đã học, đáp ứng các nhu cầu cấp thiết đang đặt ra trong công việc và nghề nghiệp của những người đã có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ.
2. Hiệu trưởng xem xét quyết định việc công nhận chứng nhận bồi dưỡng sau đại học đối với chứng nhận bồi dưỡng sau đại học được tổ chức đào tạo đồng thời ở nhiều CSĐT.

Điều 12. Trao đổi người học

1. Trao đổi NH chỉ thực hiện giữa Trường ĐH CNTT với các CSĐT trong và ngoài nước đã ký văn bản thỏa thuận hợp tác đào tạo trình độ thạc sĩ.
2. Trường ĐH CNTT và các CSĐT trong và ngoài nước xây dựng văn bản thỏa thuận hợp tác việc công nhận tín chỉ lẫn nhau cho phép NH của Trường ĐH CNTT được học một số học phần tại CSĐT khác và ngược lại.

3. Giao trưởng ĐVCM xác định và tư vấn cho Hiệu trưởng quyết định về điều kiện trao đổi NH, đánh giá và công nhận tín chỉ lẫn nhau, khối lượng học tập đã tích lũy của NH được công nhận khi thực hiện CTĐT theo từng trường hợp cụ thể.

Điều 13. Điều kiện đăng ký và quy định công bố khoa học đối với các chương trình đào tạo

1. Điều kiện và thời điểm đăng ký phương thức đào tạo

a. Đối với chương trình nghiên cứu theo phương thức 1

- NH tốt nghiệp đại học loại giỏi, là tác giả của ít nhất 01 (một) công bố khoa học trong danh mục Scopus có liên quan đến lĩnh vực sẽ nghiên cứu. Trường hợp NH tốt nghiệp loại khá có công bố khoa học tốt được Hiệu trưởng xem xét quyết định. Các công bố khoa học được xem xét trong vòng 2 năm tính từ thời điểm công bố đến thời điểm tuyển sinh mà NH ứng tuyển.

- Đăng ký học chương trình thạc sĩ nghiên cứu theo phương thức 1 trong vòng 01 tháng kể từ khi có quyết định trúng tuyển.

b. Đối với chương trình nghiên cứu theo phương thức 2 và chương trình ứng dụng: đăng ký phương thức đào tạo cùng lúc với đăng ký xét công nhận đề tài luận văn thạc sĩ theo thông báo của ĐVQL.

2. Hồ sơ đăng ký phương thức đào tạo gồm:

- Phiếu đăng ký phương thức đào tạo, trong đó có xác nhận chấp nhận hướng dẫn luận văn của người hướng dẫn (NHD), có xác nhận của ĐVCM phụ trách ngành đảm bảo điều kiện nghiên cứu cho NH;

- Lý lịch khoa học của NHD;

- Đề cương đề tài luận văn thạc sĩ;

- Minh chứng công bố khoa học của NH (nếu có).

3. Quy định công bố khoa học trong CTĐT thạc sĩ

Yêu cầu chung: Bài báo khoa học hoặc báo cáo khoa học có nội dung phù hợp với hướng nghiên cứu của luận văn, được đăng trên tạp chí, hội nghị uy tín, có chỉ số ISBN/ ISSN, thuộc danh mục tính điểm của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước ngành Công nghệ Thông tin; được công bố hoặc được chấp nhận đăng trong thời gian đào tạo của NH.

Bài báo hoặc báo cáo khoa học có ghi cơ sở đào tạo là Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM theo quy định tại công văn số 2287/ ĐHQG-KHCN, ngày 19/12/2019.

Dưới đây là ví dụ bài báo tiếng Anh (bài báo tiếng Việt được thực hiện tương tự)

Tên bài báo: Advanced ML method in...

Nguyen Van A^{1,2,...}

1. University of Information Technology, Ho Chi Minh City, Vietnam

2. Vietnam National University, Ho Chi Minh City, Vietnam

3.

a. Đối với chương trình nghiên cứu theo phương thức 1: NH là tác giả đứng đầu của ít nhất 01 (một) bài báo khoa học công bố trên tạp chí quốc tế chuyên ngành được xếp hạng Q2 trở lên thuộc danh mục Scopus (xếp hạng Q dựa trên trang <https://www.scimagojr.com/>).

b. Đối với chương trình nghiên cứu theo phương thức 2 và chương trình ứng dụng: Công bố khoa học được khuyến khích và được cộng điểm trong đánh giá đề tài luận văn.

Điều 14. Đánh giá học phần

1. Quy định chung:

a. Việc đánh giá học phần phải đảm bảo chính xác, khách quan, công bằng. Các quy định về kiểm tra, đánh giá phải được công khai.

b. Nội dung và hình thức thi, kiểm tra, đánh giá phải phù hợp với nội dung và đảm bảo mục tiêu học phần đã được xác định trong đề cương chi tiết.

c. Học phần được đánh giá bởi các điểm thành phần (bài tập, kiểm tra định kỳ, tiểu luận, thi kết thúc học phần) theo quy định trong đề cương học phần và điểm tổng kết theo thang điểm 10. Số điểm thành phần ít nhất là 02 (hai), trong đó điểm thi kết thúc học phần là thành phần bắt buộc. Thi kết thúc học phần có thể theo hình thức tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp hoặc báo cáo tiểu luận.

d. Điểm tổng kết học phần là điểm trung bình theo trọng số các điểm thành phần lấy đến một chữ số thập phân. Học phần đạt yêu cầu khi điểm tổng kết từ 5,5 trở lên.

e. Điểm đánh giá thành phần và điểm tổng kết phải được ghi đầy đủ trong bảng điểm học phần theo biểu mẫu do Hiệu trưởng Trường ĐH CNTT quy định, có chữ ký của GV phụ trách học phần và trưởng đơn vị chuyên môn. Bảng điểm học phần được lưu giữ theo quy định hiện hành.

f. Đối với học phần được đào tạo theo hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến, việc đánh giá học phần được thực hiện trực tiếp.

g. NH được phúc khảo điểm học phần trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày công bố điểm. Chậm nhất 15 ngày làm việc, ĐVCM và ĐVQL phải phản hồi điểm phúc khảo cho NH.

2. Dự thi kết thúc học phần

a. Điều kiện dự thi:

- NH được dự kỳ thi kết thúc học phần khi đáp ứng các quy định về học tập được nêu trong đề cương chi tiết của học phần đó.

- NH không đáp ứng các quy định học tập của học phần sẽ không được thi kết thúc học phần và phải nhận điểm tổng kết là 0 (không điểm) đối với học phần đó.

b. NH vắng thi không phép phải nhận điểm 0 (không điểm) đối với điểm thi kết thúc học phần.

c. Hoãn thi:

- Trường hợp vì lý do bất khả kháng không thể dự kỳ thi kết thúc học phần, NH phải có đơn xin hoãn thi nộp tại ĐVQL trước buổi thi kết thúc học phần. Trong trường hợp đặc biệt như ốm đau, tai nạn, NH có thể nộp đơn hoãn thi kèm minh

chứng liên quan trong vòng 05 ngày làm việc sau ngày thi kết thúc học phần. Việc hoãn thi chỉ được xem xét khi NH đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính của kỳ tương ứng với học phần.

- NH hoãn thi kết thúc học phần nào thì các điểm thành phần còn lại được bảo lưu và được phép dự thi kết thúc học phần đó ở kỳ sau. Trường hợp học phần không có trong CTĐT của các khóa tiếp theo, NH được phép đăng ký và học học phần khác thay thế do ĐVCM quyết định.

- Để được dự thi kết thúc học phần đã hoãn thi, NH phải nộp đơn xin dự thi cho ĐVQL ít nhất 07 ngày trước ngày thi kết thúc học phần đó.

3. Tổ chức thi kết thúc học phần: ĐVQL phối hợp với ĐVCM và các phòng ban liên quan có trách nhiệm tổ chức thi kết thúc học phần gồm: lịch thi, chuẩn bị đề thi, danh sách thi, phân công cán bộ coi thi và thông báo cho các bên liên quan, đảm bảo việc tổ chức thi đúng quy định. GV chấm thi có trách nhiệm nộp bảng điểm (gồm bản giấy và bản mềm) cho ĐVCM quản lý học phần muộn nhất là sau 20 ngày kể từ ngày thi kết thúc học phần.

Điều 15. Hướng dẫn luận văn

1. Luận văn là một báo cáo khoa học, tổng hợp các kết quả nghiên cứu chính của NH, đáp ứng các yêu cầu sau:

a. Có đóng góp về lý luận, học thuật hoặc phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; thể hiện năng lực nghiên cứu của NH;

b. Được trình bày một cách khoa học, rõ ràng, mạch lạc và không được tẩy xóa, ngôn ngữ trình bày luận văn là tiếng Việt, theo hướng dẫn chi tiết trong Phụ lục III của Quy chế này;

c. Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

d. Tuân thủ quy định của cơ sở đào tạo về liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

2. Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài luận văn cho NH, phê duyệt NHD trước khi tổ chức bảo vệ luận văn ít nhất 03 tháng. Thời gian thực hiện luận văn đối với chương trình nghiên cứu phương thức 2 và chương trình ứng dụng là 06 tháng, đối với chương trình nghiên cứu phương thức 1 là 12 tháng.

Nếu NH chưa hoàn thành luận văn trong thời gian cho phép, NH có thể làm đơn xin gia hạn thêm thời gian làm luận văn. Việc gia hạn chỉ được xem xét cho NH còn thời gian đào tạo. Để được xem xét gia hạn thêm thời gian làm luận văn, NH phải hoàn tất học phí của chương trình học, có đơn giải trình về lý do gia hạn, báo cáo kết quả và kế hoạch thực hiện luận văn được sự chấp thuận của NHD và phải chịu toàn bộ kinh phí phát sinh trong quá trình gia hạn.

3. Mỗi NH có một hoặc hai NHD luận văn, trong đó phải có một người là GV cơ hữu của Trường. Tại một thời điểm, một NHD độc lập không quá 05 NH (bao gồm cả NH chương trình nghiên cứu và chương trình ứng dụng); nếu NHD là phó giáo sư trở lên và là trưởng nhóm nghiên cứu mạnh của ĐHQG-HCM thì được hướng dẫn không quá 7 NH; trường hợp đồng hướng dẫn 02 NH được tính tương đương hướng dẫn độc lập 01 NH. Trường hợp NH có hai NHD, trong quyết định giao đề tài ghi rõ NHD và

đồng hướng dẫn; quyết định tỷ lệ % của người hướng dẫn và người đồng hướng dẫn, trong đó tỷ lệ % của người đồng hướng dẫn tối đa là 50%.

4. Tiêu chuẩn của NHD luận văn:

a. Có trình độ tiến sĩ chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo và đề tài luận văn của NH;

b. Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;

c. Có kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận văn trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm được giao hướng dẫn;

d. Đối với chương trình nghiên cứu theo phương thức 1, NHD phải đáp ứng thêm tiêu chuẩn sau: Trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm có quyết định nhận hướng dẫn luận văn phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Là tác giả chính của tối thiểu 01 bài công bố trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS/ Scopus;

- Là đồng tác giả của tối thiểu 02 bài công bố trên tạp chí khoa học thuộc danh mục WoS/ Scopus;

- Là tác giả/ chủ sở hữu hoặc đồng tác giả/đồng chủ sở hữu của 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ quốc gia hoặc quốc tế;

- Là tác giả chính hoặc đồng tác giả của 02 bài công bố đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế xuất bản có chỉ số ISBN, tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực liên quan đến hướng đề tài của NH;

5. Thay đổi, điều chỉnh liên quan đến đề tài luận văn

a. Điều chỉnh tên đề tài: Việc thay đổi tên, điều chỉnh tên đề tài luận văn do Hiệu trưởng ra quyết định, trên cơ sở đề nghị của NH, được NHD, Trưởng ĐVCM đồng ý trong thời gian 06 tuần kể từ khi đề tài được giao. Sau thời gian này, Hiệu trưởng chỉ ra quyết định điều chỉnh tên đề tài luận văn khi có đề nghị của Hội đồng đánh giá luận văn.

b. Thay đổi NHD: Việc thay đổi NHD luận văn do Hiệu trưởng xem xét ra quyết định trên cơ sở đơn đề nghị của NH và được Trưởng ĐVCM đồng ý. Đơn đề nghị của NH phải có sự chấp thuận của NHD và người đồng hướng dẫn (nếu có) (phụ lục IV), Trưởng ĐVCM đồng ý và nộp cho ĐVQL trong thời gian 06 tuần kể từ khi đề tài được giao. Sau thời điểm này, NH phải đăng ký lại đề tài luận văn.

Điều 16. Đánh giá luận văn

1. Luận văn được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng. Buổi bảo vệ được tổ chức công khai trừ những đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước.

2. Hội đồng đánh giá luận văn bảo đảm các yêu cầu sau:

a. Hội đồng đánh giá luận văn có 05 thành viên, gồm: chủ tịch, thư ký, 02 phản biện và ủy viên. Hội đồng có tối thiểu 02 thành viên ở ngoài Trường ĐH CNTT; trong đó, ít nhất có 01 người là phản biện;

b. Hội đồng đánh giá luận văn do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập dựa trên đề nghị của trưởng ĐVCM và trưởng ĐVQL. Quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn được ban hành trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc, tính từ ngày NH nộp luận văn và đủ điều kiện bảo vệ theo quy định tại khoản 3 Điều này;

c. Tiêu chuẩn và yêu cầu đối với các thành viên hội đồng:

- Các thành viên hội đồng có trình độ tiến sĩ trở lên như tiêu chuẩn NHD quy định tại khoản 4 Điều 15;

- Chủ tịch phải là GV cơ hữu hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của Trường, có năng lực chuyên môn và uy tín khoa học, có kinh nghiệm hướng dẫn luận văn thạc sĩ, có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành công việc của hội đồng;

- Các thành viên tham gia hội đồng đánh giá luận văn phải có bản nhận xét (phụ lục 5); đảm bảo tính trung thực, khách quan trong việc nhận xét, đánh giá luận văn.

- NHD có thể tham gia hội đồng với tư cách là ủy viên nhưng không được cho điểm đánh giá; cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của NH không tham gia hội đồng.

3. Điều kiện để NH được bảo vệ luận văn:

a. NH hoàn thành tất cả học phần của CTĐT và điểm trung bình tích lũy đạt từ 5.5 trở lên theo thang điểm 10 (không tính ngoại ngữ).

b. Đã nộp luận văn, được NHD đồng ý cho bảo vệ;

c. Có giấy xác nhận kết quả kiểm tra trùng lặp và bản giải trình (nếu có) về luận văn theo quy định về liên chính học thuật của Trường.

d. Đạt chuẩn ngoại ngữ đầu ra.

e. Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định.

f. Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập; không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

4. Hợp Hội đồng bảo vệ luận văn

a. Hội đồng phải tổ chức họp để đánh giá luận văn trong thời gian 30 ngày làm việc tính từ ngày ra quyết định thành lập. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận văn trong các trường hợp sau:

- Vắng mặt chủ tịch hoặc thư ký hội đồng.

- Vắng mặt phản biện có ý kiến không tán thành luận văn.

- Vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên.

b. Trong trường hợp có lý do khách quan, Hiệu trưởng quyết định việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng. Thời hạn tổ chức họp hội đồng được tính từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng

5. Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội đồng có mặt trong buổi đánh giá luận văn theo thang điểm 10; được xếp loại đạt khi lớn hơn hoặc bằng 5.5 điểm và và điểm của mỗi thành viên trong Hội đồng không được chênh lệch nhau quá 3.0 điểm. Điểm đánh giá luận văn của từng thành viên hội đồng theo thang điểm 10, có thể lẻ đến một chữ số thập phân (phụ lục 6), gồm: Điểm nội dung

luận văn tối đa 09 điểm và điểm thành tích nghiên cứu tối đa 01 điểm cho luận văn mà NH có bài báo/báo cáo khoa học liên quan được chấp nhận công bố hoặc được công bố trên danh mục tạp chí/hội nghị khoa học chuyên ngành hoặc đề tài ứng dụng đã được nơi ứng dụng xác nhận bằng văn bản về việc chuyển giao, triển khai kết quả nghiên cứu. Điểm luận văn là trung bình cộng điểm đánh giá của các thành viên có mặt trong buổi đánh giá luận văn, làm tròn đến một chữ số thập phân.

6. Trong trường hợp luận văn không đạt yêu cầu, NH được chỉnh sửa, bổ sung luận văn để được đánh giá lần thứ hai trong thời hạn 03 tháng tính từ ngày họp hội đồng đánh giá lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá luận văn lần thứ ba. Chi phí cho việc bảo vệ lại luận văn bao gồm: chỉnh sửa, bổ sung luận văn hoặc thực hiện đề tài mới, tổ chức bảo vệ lại luận văn do NH tự chi trả theo quy định của Trường.

7. Sau khi bảo vệ thành công, nếu Hội đồng yêu cầu cần phải chỉnh sửa thì NH phải thực hiện chỉnh sửa và giải trình các yêu cầu trong biên bản phiên họp của Hội đồng trong vòng 30 ngày, bản giải trình phải được NHD và chủ tịch Hội đồng xác nhận, khi đó toàn văn luận văn (đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của hội đồng nếu có) phải được nộp và lưu trữ tại thư viện của Trường; được công bố trên trang thông tin điện tử của Trường trong thời gian ít nhất 30 ngày, trừ một số đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước.

8. Gia hạn bảo vệ luận văn

a. Điều kiện gia hạn: việc xem xét gia hạn chỉ thực hiện khi NH có lý do chính đáng. Hồ sơ xét gia hạn gồm: giấy đăng ký gia hạn bảo vệ luận văn, có ý kiến đề nghị của NHD, Trường ĐVCM (phụ lục IV), và Trường ĐVQL; minh chứng về nguyên nhân ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện đề tài luận văn.

b. NH có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh khi gia hạn theo quy định của Trường.

c. Thời gian gia hạn mỗi lần nhiều nhất 06 tháng, tổng thời gian gia hạn tối đa là 12 tháng và không vượt quá thời gian đào tạo tối đa.

9. Đánh giá luận văn trực tuyến: Việc tổ chức đánh giá luận văn trực tuyến phải đảm bảo đáp ứng những yêu cầu sau:

a. Được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và NH; các thành viên hội đồng, NH phải được chuẩn bị kỹ các kỹ năng cần thiết để sử dụng các thiết bị, phần mềm hỗ trợ họp trực tuyến trước buổi bảo vệ.

b. Bảo vệ luận văn trực tuyến thực hiện theo đúng quy trình của bảo vệ trực tiếp. Biên bản của buổi bảo vệ luận văn trực tuyến do thư ký hội đồng chịu trách nhiệm ghi chép và công khai ngay trong buổi bảo vệ luận văn, sau đó được gửi đến các thành viên Hội đồng tham gia buổi bảo vệ và NH để xác nhận và gửi lại ĐVQL cùng phiếu đánh giá của từng thành viên Hội đồng.

c. Diễn biến của buổi bảo vệ luận văn trực tuyến được ĐVCM ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ kèm theo hồ sơ của NH.

d. Phần mềm hỗ trợ truyền hình trực tuyến và cơ sở hạ tầng kết nối tổ chức các buổi bảo vệ trực tuyến do ĐVCM lựa chọn, đảm bảo độ an toàn, tính bảo mật, chất lượng về âm thanh, hình ảnh kết nối với tất cả các cá nhân tham gia.

e. Trường là đầu cầu tổ chức bảo vệ phải đáp ứng: có tối thiểu 2 thành viên là chủ tịch và thư ký có mặt tại Trường cùng với NH.

f. Giao ĐVQL chịu trách nhiệm giải trình, quản lý và lưu trữ tài liệu liên quan để phục vụ công tác giám sát, kiểm tra, kiểm định chất lượng giáo dục và thanh tra trong trường hợp có yêu cầu.

10. Việc tổ chức đánh giá luận văn trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác được thực hiện theo hướng dẫn của ĐHQG-HCM.

Điều 17. Thẩm định luận văn

1. Khi có phản ánh, khiếu nại, tố cáo hoặc trong những trường hợp khác theo yêu cầu quản lý, Hiệu trưởng quyết định việc tổ chức thẩm định chất lượng luận văn.

Hội đồng thẩm định luận văn đáp ứng yêu cầu:

a. Số lượng, yêu cầu đối với thành viên Hội đồng thẩm định luận văn theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy chế này.

b. Các thành viên Hội đồng đánh giá luận văn không được tham gia hội đồng thẩm định.

2. Thẩm định luận văn

a. Trước khi họp hội đồng thẩm định, các thành viên hội đồng có bản nhận xét về sự cần thiết của việc nghiên cứu đề tài Luận văn, sự phù hợp với chuyên ngành; sự không trùng lặp về đề tài, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu; bố cục và hình thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; đánh giá thành công và hạn chế của Luận văn, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận văn thạc sĩ.

b. Việc thẩm định luận văn được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Quy chế này.

c. Tác giả luận văn, NHD, thành viên hội đồng đánh giá luận văn không tham dự phiên họp của Hội đồng thẩm định nhưng được Trường ĐH CNTT thông báo và có thể gửi ý kiến, cung cấp tài liệu (nếu có) tới hội đồng thẩm định.

3. Xử lý kết quả thẩm định luận văn không đạt yêu cầu: Hội đồng thẩm định kết luận luận văn không đạt yêu cầu thì Hiệu trưởng dừng việc cấp bằng hoặc thu hồi, hủy bỏ bằng thạc sĩ đã cấp (trong trường hợp đã cấp bằng).

4. Thẩm định luận văn ngẫu nhiên: trường hợp ĐHQG-HCM xác định các luận văn cần thẩm định và ĐHQG-HCM có văn bản thông báo về trường hợp cần thẩm định, Trường sẽ chuyển hồ sơ theo yêu cầu về ĐHQG-HCM để thẩm định.

Điều 18. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ

1. Điều kiện tốt nghiệp

a. NH hoàn thành CTĐT và đạt điểm trung bình tích lũy toàn khóa học theo quy định.

b. NH đạt trình độ ngoại ngữ theo phụ lục 3 của Quy chế này.

c. NH hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường ĐH CNTT.

d. Luận văn tốt nghiệp được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu và được nộp lưu tại Thư viện của Trường.

e. NH không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

2. Sau khi NH được Hội đồng xét tốt nghiệp và được ĐHQG- HCM đồng ý cấp phát bằng, Hiệu trưởng ban hành Quyết định tốt nghiệp, cấp bằng thạc sĩ theo quy định và cấp bằng điểm học tập theo phụ lục 7 của Quy chế này trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày NH bảo vệ thành công luận văn, đề án; tối đa thêm 03 tháng trong trường hợp phải tổ chức thẩm định luận văn.

3. Căn cứ Quy chế văn bằng, chứng chỉ hiện hành của ĐHQG-HCM, hồ sơ cấp bằng thạc sĩ gồm:

- a. Bản sao bằng tốt nghiệp đại học (có công chứng).
- b. Minh chứng đủ điều kiện ngoại ngữ theo quy định hiện hành.
- c. Bảng điểm học tập toàn khóa (phụ lục 7).
- d. Lý lịch khoa học của NH theo mẫu (phụ lục 8).
- e. Hồ sơ bảo vệ luận văn gồm: biên bản của Hội đồng chấm luận văn, nhận xét của các cán bộ phản biện, biên bản kiểm phiếu, các phiếu đánh giá, các biên bản giải trình sửa chữa (nếu có), hồ sơ minh chứng về liên chính học thuật đối với luận văn (xem quy định về Liên chính học thuật).
- f. Có giấy xác nhận của Thư viện về việc nộp 01 quyển luận văn tốt nghiệp và file mềm luận văn. Phần sau quyển luận văn phải đóng kèm bản sao quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn, phiếu nhận xét của NHD, phiếu nhận xét các thành viên Hội đồng, văn bản giải trình hiệu chỉnh luận văn sau bảo vệ, phiếu yêu cầu chỉnh sửa (nếu có).

4. Cấp bằng thạc sĩ cho NH trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp.

5. Nội dung ghi trên văn bằng và phụ lục văn bằng thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó phụ lục văn bằng ghi rõ chương trình định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng.

6. Đối với các NH không đủ điều kiện tốt nghiệp theo thời gian học tập quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này, hiệu trưởng cấp chứng nhận kết quả các học phần NH đã tích lũy trong CTĐT.

Chương III

NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC

Điều 19. Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. NH được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

- a. Được điều động vào lực lượng vũ trang;
- b. Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác của quốc gia, của ngành;
- c. Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ sở khám, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;

d. Vì lý do cá nhân khác nhưng phải hoàn thành ít nhất một học kỳ và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Ngoài quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 5 của Quy chế này, thời gian được xem xét thêm sau khi nghỉ học tạm thời.

a. Đối với điểm a, b, khoản 1 Điều này, thời gian NH được xem xét thêm căn cứ theo quyết định điều động của NH.

b. Đối với điểm c khoản 1 Điều này, thời gian NH được xem xét thêm tối đa 06 tháng.

c. Thời gian nghỉ học tạm thời tại điểm d khoản 1 Điều này phải được tính vào thời gian tối đa để hoàn thành khóa học.

3. Khi muốn trở lại học tiếp tại Trường, NH phải có đơn gửi Hiệu trưởng trong thời gian đăng ký học của học kỳ tương ứng.

4. NH được cơ sở đào tạo quyết định cho thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp đang bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

Điều 20. Chuyển đổi phương thức đào tạo và chuyển ngành đào tạo trong Trường ĐH CNTT

1. Chuyển đổi phương thức đào tạo

a. Trong quá trình học, NH được chuyển đổi phương thức đào tạo.

b. Điều kiện chuyển đổi phương thức đào tạo: thỏa điều kiện đăng ký phương thức và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định đối với chương trình nghiên cứu hoặc chương trình ứng dụng trong thời hạn tối đa của khóa đào tạo tương ứng, đồng thời không trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

2. Chuyển ngành đào tạo

a. Trong quá trình học, NH được chuyển đổi ngành đào tạo.

b. Điều kiện chuyển ngành đào tạo: NH đáp ứng điều kiện trong điểm a, b khoản 1 Điều 21 của Quy chế này; phải đảm bảo các yêu cầu theo đề án mở ngành và đề án tuyển sinh của Trường; và được sự đồng ý của ĐVCM nơi đi và nơi chuyển đến.

c. NH không được phép chuyển ngành đào tạo khi:

- Đã học hết 01 năm trong CTĐT thạc sĩ.
- Đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.
- Chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính của học kỳ đã học hoàn tất.
- Đã thực hiện chuyển đổi ngành đào tạo 01 (một) lần.

d. Thủ tục chuyển ngành đào tạo:

- NH xin chuyển ngành đào tạo phải làm đơn xin chuyển theo quy định, có xác nhận của Trường ĐVCM nơi đi và nơi đến.

- Sau khi có xác nhận của cả hai ĐVCM, ĐVQL làm thủ tục trình Hiệu trưởng ra quyết định chuyển ngành cho NH, trong đó công nhận một phần hoặc toàn bộ học phần mà NH đã học, quyết định số học phần phải học bổ sung.

Điều 21. Chuyển cơ sở đào tạo trong và ngoài hệ thống ĐHQG-HCM

1. Điều kiện chung
 - a. Không trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.
 - b. NH không đang học ở học kỳ cuối của CTĐT hoặc đang thực hiện luận văn thạc sĩ.
 - c. Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, không vượt quá khả năng đào tạo theo quy định hiện hành.
 - d. Được sự đồng ý của CSĐT xin chuyển đi và CSĐT xin chuyển đến.
2. Điều kiện chuyển cơ sở đào tạo
 - a. Ngoài hệ thống ĐHQG-HCM phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - Theo khoản 1 Điều này.
 - Chuyển đến CSĐT có cùng mã ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ hiện hành.
 - Đáp ứng điều kiện trúng tuyển của CTĐT tương ứng của CSĐT nơi chuyển đến.
 - b. Trong hệ thống ĐHQG-HCM phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - Theo khoản 1 Điều này.
 - Chuyển đến CSĐT có cùng mã ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ hiện hành.
3. Giao ĐVCM phối hợp với ĐVQL xem xét công nhận một phần hoặc toàn bộ học phần mà NH đã học, quyết định số học phần phải học bổ sung để trình Hiệu trưởng quyết định.

Điều 22. Xử lý vi phạm đối với người học

1. NH có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm.
2. NH thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.
3. NH vi phạm một trong các quy định sau đây sẽ bị buộc thôi học; bằng thạc sĩ nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, hủy bỏ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:
 - a) Có hành vi gian lận trong tuyển sinh, học tập, bảo vệ luận văn, hoặc gian lận trong việc làm hồ sơ để được cấp văn bằng, chứng chỉ;
 - b) Sử dụng kết quả của người khác hoặc sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận văn, và bị hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sử dụng, sao chép, trích dẫn đó thì luận văn, đề án không đạt yêu cầu;
 - c) Nhờ hoặc thuê người khác làm hộ luận văn.

CHƯƠNG IV

NGHĨA VỤ, QUYỀN LỢI CỦA GIẢNG VIÊN VÀ NGƯỜI HỌC

Điều 23. Giảng viên tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ

1. GV tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ bao gồm GV cơ hữu và GV thỉnh giảng, được phân công nhiệm vụ giảng dạy các học phần trong CTĐT trình độ thạc sĩ hoặc hướng dẫn NH thực hành, thực tập, thực hiện đề tài luận văn thạc sĩ.

2. GV tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ phải đáp ứng các tiêu chuẩn chung sau:

- a. Phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt;
- b. Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp để giảng dạy;
- c. Lý lịch bản thân rõ ràng.

3. GV tham gia giảng dạy các học phần lý thuyết phải có học vị tiến sĩ. GV giảng dạy bồi dưỡng các học phần tiếng Anh, giảng dạy học phần Triết học hoặc NHD thực hành hoặc thực tập phải có học vị thạc sĩ trở lên.

4. GV thỉnh giảng và báo cáo viên, gồm: các chuyên gia, nhà khoa học, các doanh nhân ở trong nước và nước ngoài khi tham gia CTĐT trình độ thạc sĩ phải đảm bảo tiêu chuẩn chuyên môn đối với công việc được giao theo các quy định hiện hành của ĐHQG-HCM và Bộ GD&ĐT.

5. Các trường hợp khác do Hiệu trưởng trình Giám đốc ĐHQG-HCM xem xét quyết định.

Điều 24. Nghĩa vụ và quyền của giảng viên

1. Nghĩa vụ của giảng viên

- a. Giảng dạy các học phần, các chuyên đề, hướng dẫn thực hành, thực tập.
- b. Hướng dẫn luận văn thạc sĩ.
- c. Tham gia các Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ.
- d. Thường xuyên cập nhật kiến thức mới, cải tiến phương pháp giảng dạy nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn giúp đỡ NH trong học tập, nghiên cứu.
- e. Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và nội quy của Trường. Trung thực, khách quan, công bằng trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trong đối xử với NH.
- f. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc NH nghiên cứu khoa học, thực hành, thực tập theo yêu cầu của đề tài.
- g. Không được tự tổ chức hoặc thực hiện việc phụ đạo, hướng dẫn ôn tập với mục đích để NH dự tuyển CTĐT trình độ thạc sĩ.
- h. Có trách nhiệm phổ biến cho NH đề cương chi tiết, lịch trình giảng dạy vào giờ lên lớp đầu tiên của học phần.
- i. Hoàn tất các nghĩa vụ đã ghi trong hợp đồng giảng dạy ngay khi kết thúc học phần và thông báo để bộ phận quản lý đào tạo xác nhận và thanh lý hợp đồng đúng hạn.
- j. Đánh giá kết quả học tập của NH.
- k. Thực hiện quy định về nghỉ dạy, dạy bù:

- ĐVQL là đơn vị trực tiếp tiếp nhận thông tin và xử lý việc thông báo thay đổi liên quan đến giảng dạy (nghỉ dạy, thay đổi cán bộ giảng dạy) và đăng ký dạy bù của GV.

- Các tiết nghỉ dạy phải được đăng ký dạy bù.

- GV phải báo cho ĐVQL việc thay đổi giảng dạy (nghỉ dạy, thay đổi GV tạm thời). GV không được nghỉ dạy quá 3 buổi/học kỳ/lớp trừ những trường hợp nghỉ do được điều động công tác của Trường.

- Nếu GV dạy bù trong thời gian thực học phải đăng ký việc dạy bù trước ngày dạy bù ít nhất là 05 ngày. ĐVQL có thể yêu cầu GV đổi buổi dạy bù nếu thời gian mà GV đăng ký không phù hợp với lịch học của NH.

2. Quyền của giảng viên

a. Được giảng dạy theo ngành, chuyên ngành được đào tạo.

b. Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

c. Được từ chối không hướng dẫn NH và thông báo bằng văn bản đến ĐVQL của Trường trong các trường hợp:

- Đã hướng dẫn đủ số lượng tối đa theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Quy chế này.

- Sau 01 (một) tháng kể từ ngày nhận quyết định cử NHD mà NH không liên hệ, không tuân thủ và không hoàn thành kế hoạch nghiên cứu mà không có lý do chính đáng.

d. Được ký hợp đồng giảng dạy và nghiên cứu khoa học với điều kiện bảo đảm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ nơi mình công tác.

e. Được hưởng các chính sách áp dụng đối với GV trong ĐTTThS theo quy định của Trường, ĐHQG-HCM và Bộ GD&ĐT.

f. Trong trường hợp cần thiết, có thể đề xuất GV trợ giảng. Việc này do Hiệu trưởng xem xét quyết định.

g. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Nhiệm vụ và quyền của người học

1. Nhiệm vụ của người học

a. Thực hiện kế hoạch học tập, đào tạo theo năm học đã được Trường phê duyệt chương trình học tập (tham gia đầy đủ các buổi lên lớp) và nghiên cứu khoa học trong thời gian quy định. Thường xuyên cập nhật các thông tin về quá trình đào tạo trên website Trường.

b. Hoàn thành CTĐT, chấp hành nội quy, quy chế, quy định về ĐTTThS của Trường ĐH CNTT, ĐHQG-HCM và của Bộ GD&ĐT.

c. Ngay sau khi có quyết định giao đề tài luận văn, NH thường xuyên gấp gở, trao đổi, xin ý kiến NHD để thực hiện luận văn đúng thời hạn.

d. Thực hiện báo cáo giữa kỳ (3 tháng sau khi nhận đề tài) tiến trình hoàn thành luận văn có xác nhận của NHD luận văn gửi ĐVCM để báo cáo và nộp ĐVQL. Nếu không thực hiện báo cáo giữa kỳ, NH phải có giải trình với ĐVCM và ĐVQL.

e. Đóng đầy đủ học phí và kinh phí đào tạo theo quy định. NH không đóng học phí sẽ bị xóa tên trong danh sách dự thi học phần và không có điểm của tất cả các học phần và bị buộc thôi học.

f. Tôn trọng GV, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của Trường.

g. Giữ gìn và bảo vệ tài sản của Trường.

2. Quyền của người học

a. Được quyền đăng ký xét học bổng theo quy định hiện hành.

b. Được quyền đăng ký xét hỗ trợ bài báo khoa học theo quy định hiện hành.

c. Được quyền xin cấp giấy xác nhận về điểm học phần, quá trình học tập.

d. Được tôn trọng, đối xử bình đẳng và được cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến việc học tập của mình.

e. Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất theo quy định của Trường cho việc học tập nghiên cứu.

f. Được đề nghị ĐVCM và ĐVQL thay NHD luận văn trong trường hợp không liên hệ được với NHD hoặc NH không nhận được sự hướng dẫn đề tài luận văn.

g. Được phản hồi ý kiến với những người có thẩm quyền của Trường về CTĐT, về hoạt động giảng dạy của GV, cán bộ quản lý và hoạt động liên quan đến quá trình tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo.

h. Được tham gia hoạt động đoàn thể, tổ chức xã hội trong Trường ĐH CNTT.

i. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Chế độ lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin

1. ĐVQL lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định hiện hành về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm hoàn thiện cơ sở dữ liệu tại cơ sở đào tạo và cập nhật đầy đủ, chính xác dữ liệu về đào tạo thạc sĩ vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học; xuất dữ liệu tổng hợp báo cáo từ hệ thống, ký xác nhận của cơ sở đào tạo và gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

3. Báo cáo: Trước ngày 30 tháng 12 hằng năm, Trường báo cáo ĐHQG-HCM về công tác đào tạo trình độ thạc sĩ và các báo cáo khác liên quan do ĐHQG-HCM yêu cầu.

a. Số liệu tổng số NH nhập học, tốt nghiệp, thôi học và đang học trong năm của Trường.

b. Số liệu dự kiến tốt nghiệp trong năm sau.

c. Số liệu được phân loại theo chương trình nghiên cứu, chương trình ứng dụng, ngành đào tạo, khóa đào tạo, hình thức đào tạo.

d. Tỷ lệ về thời lượng giảng dạy trực tuyến so với tổng thời lượng của CTĐT, báo cáo tỷ lệ cho từng CTĐT.

4. Giao ĐVQL công khai trên trang thông tin điện tử của Trường các thông tin sau cho từng CTĐT:

- a. Giới thiệu khái quát về CTĐT;
- b. Thời gian, địa điểm và hình thức đào tạo;
- c. Yêu cầu đầu vào và thông tin tuyển sinh;
- d. Cấu trúc chương trình (kèm theo số tín chỉ cho mỗi học phần, luận văn, chuyên đề nghiên cứu);
- e. Đội ngũ GV tham gia giảng dạy và hướng dẫn luận văn;
- f. Học tập và kiểm tra đánh giá;
- g. Chuẩn đầu ra, cơ hội việc làm;
- h. Học phí và học bổng (nếu có);
- i. Các thông tin khác mà ứng viên và NH cần biết về chương trình đào tạo.

Điều 27. Thanh tra, kiểm tra

1. Trường thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ thạc sĩ theo các quy định hiện hành.
2. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm: quá trình đào tạo, thời lượng, nội dung, CTĐT, liên kết đào tạo, đề thi, tổ chức cấp chứng nhận, công khai thông tin, GV, điều kiện đảm bảo chất lượng, hồ sơ cấp bằng.
3. Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức thanh tra, kiểm tra việc biên soạn đề cương chi tiết, việc thực hiện kế hoạch đào tạo, lịch trình giảng dạy, đánh giá học phần của GV, trợ giảng và các nhiệm vụ khác liên quan đến đào tạo. chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của ĐHQG-HCM và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

Điều 28. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về hoạt động vi phạm quy chế của Trường, về gian lận của NH, về sai phạm trong thực hiện đào tạo.
2. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Phạm vi áp dụng quy chế

1. Quy chế này được áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2025.
2. Các quy định trong Quy chế này sẽ thay thế cho các quy định liên quan của Quyết định số 270/QĐ-ĐHCNTT ngày 25/4/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ Thông tin về việc ban hành “Quy chế đào tạo thạc sĩ” tại Trường ĐHCNTT.

Điều 30. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. ĐVQL có trách nhiệm thông báo các biểu mẫu thực hiện Quy chế này.
2. Trong quá trình thực hiện, tùy theo yêu cầu thực tế, nếu có những vấn đề quản lý phát sinh Quy chế này sẽ được điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp.

3. Việc điều chỉnh, sửa đổi những nội dung liên quan đến Quy chế này do Hiệu trưởng Trường ĐH CNTT xem xét, quyết định./.



HIỆU TRƯỞNG *M*

Nguyễn Hoàng Tú Anh

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Bộ GD&ĐT: Bộ Giáo dục và Đào tạo

CSĐT: cơ sở đào tạo

CTĐT: chương trình đào tạo

ĐH CNTT: Đại học Công nghệ Thông tin

ĐHQG-HCM: Đại học Quốc gia -TP. Hồ Chí Minh

ĐTThS: đào tạo trình độ thạc sĩ

ĐVCM(Khoa): đơn vị chuyên môn

ĐVQL (Phòng ĐTSĐH&KH-CN): đơn vị quản lý

GV: giảng viên

NH: người học

NHD: người hướng dẫn